TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 77 /2019/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Lệ, ngày 09 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 03 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Mai Thị B, sinh năm 1960
- Ông Trịnh Quốc N, sinh năm 1959

Cùng địa chỉ: Số 348 đường C, tổ 61, phường H, quận C, thành phố Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Quốc N và bà Mai Thị B tự nguyện kết hôn vào năm 1982, đăng ký kết hôn tại UBND phường Thọ Q, quận S, thành phố Đ. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông N và bà B sống tại địa chỉ số 348 đường C, tổ 61, phường H, quận C, thành phố Đ. Trong quá trình chung đến năm 2017 ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cải vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay ông Trịnh Quốc N và bà Mai Thị B phần ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc ai, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, ông Trịnh Quốc N và bà Mai Thị B đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa ông N và bà B đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt đ□ợc, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Trịnh Quốc N và bà Mai Thị B xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về nợ chung: Ông Trịnh Quốc N và bà Mai Thị B xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Trịnh Quốc N và bà Mai Thị B thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông Trịnh Quốc N và bà Mai Thị B xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trịnh Quốc N và bà Mai Thị B xác nhận không có.

2.Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Trịnh Quốc N và bà Mai Thị B phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 05658 ngày 22 tháng 03 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ. Như vậy, ông N và bà B đã nộp đủ lệ phí.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Viện KSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phùng Văn Nhớ